



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2723 /QĐ – VPCNCLQG
ngày 25 tháng 09 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Công ty TNHH Eurofins Consumer Product Testing Việt Nam
Laboratory:	<i>Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited</i>
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Eurofins Product Testing Lux Holding S.A.R.L
Organization:	<i>Eurofins Product Testing Lux Holding S.A.R.L</i>
Lĩnh vực thử nghiệm:	Cơ
Field of testing:	<i>Mechanical</i>
Người quản lý:	Nguyễn Quốc Tuấn (Henry Nguyen)
Laboratory manager:	<i>Nguyen Quoc Tuan (Henry Nguyen)</i>
Số hiệu/ Code:	VILAS 1096
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày 25 /09/2026 đến ngày 18/12/2029
Địa chỉ:	Kho xưởng số 3 & 4, Đường CN 11, Cụm 3, Nhóm CNI, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address:	<i>Warehouse No. 3 and 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>
Địa điểm:	Kho xưởng số 3 & 4, Đường CN 11, Cụm 3, Nhóm CNI, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Location:	<i>Warehouse No. 3 and 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>
Điện thoại/ Tel:	(+84) 2632 212 259
E-mail:	Henry.nguyen@cpt.eurofinsasia.com Scott.pham@cpt.eurofinsasia.com
Website:	https://www.eurofins.vn/en/consumer-product-testing/

Handwritten signature

Handwritten signature

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION***VILAS 1096****Phòng thử nghiệm Đồ chơi****Toys Laboratory****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Gậy lặn và các vật dụng tương tự khác <i>Dive Sticks and Other Similar Articles</i>	Kiểm tra góc nghiêng so với phương thẳng đứng của gậy lặn và các vật dụng tương tự khác. <i>Checking for incline angle from vertical axis of Dive sticks and similar articles.</i>	-	(b) 16 CFR part 1500.86 (a)(7):2026
2.		Kiểm tra độ chịu lực của gậy lặn và các vật dụng tương tự khác <i>Checking for the forced strength of Dive sticks and similar articles.</i>	-	(b) 16 CFR part 1500.86 (a)(8):2026
3.	Đồ chơi trẻ em <i>Toys</i>	Thử nghiệm nhúng nước <i>Soaking test</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.9, 4.11, 4.23, 5.1, 5.10 and 5.12
4.		Kiểm tra về hình dạng của đồ chơi cứng (ngoại trừ xúc xắc) <i>Checking for Geometric shape of certain toys (except rattles)</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.16, 5.8
5.		Thử thả rơi <i>Drop test</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.5, 4.5, 4.6, 4.10, 4.14, 4.22, 4.23, 4.25, 5.1, 5.10, 5.12 and 5.13
6.		Thử va đập <i>Impact test</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.7, 4.5, 4.6, 4.10, 4.14, 4.15, 4.17, 4.22, 4.23, 4.25, 5.1, 5.10, 5.12, 5.13, 8.14
7.		Thử kéo <i>Tension test</i>	Max: 500N	(a) EN 71-1:2026 Clause 8.4, 4.6, 4.9, 4.11, 4.14, 4.17, 4.18, 4.22, 4.23, 4.25, 4.27, 4.28, 5.1, 5.2, 5.3, 5.10, 5.12, 5.13, Clause 6 and A.37
8.		Thử nén <i>Compression test</i>	Max: 1500N	(a) EN 71-1:2026 Clause 8.8, 4.6, 4.14, 4.17, 4.22, 4.23, 4.25, 5.1, 5.10, 5.12, 5.13

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION***VILAS 1096****Phòng thử nghiệm Đồ chơi*****Toys Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
9.	Đồ chơi trẻ em <i>Toys</i>	Thử uốn <i>Flexure test</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.13, 4.8
10.		Kiểm tra sự hiện diện của các thành phần nhỏ <i>Checking for Small parts</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.1, 5.2, 4.6, 4.11, 4.18,4.23.2,4.23.3, 4.25, 7.2, 8.2
11.		Kiểm tra sự hiện diện của cạnh sắc <i>Checking for Sharp edge</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.11, 4.5, 4.7, 4.9, 4.10, 4.14, 4.15, 4.17, 5.1 and 7.6
12.		Kiểm tra sự hiện diện của các đầu nhọn. <i>Checking for Sharp point</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.12, 4.5, 4.8, 4.9, 4.10, 4.14, 4.15, 4.17, 5.1 and A.40
13.		Kiểm tra các yêu cầu về an toàn của đồ chơi có khả năng chứa người/vật <i>Checking for safety requirements for enclosures toys.</i>		(a) EN 71-1: 2026 Clause 4.14, 8.27.2
14.		Kiểm tra các thành phần trên đồ chơi có thể được tiếp xúc trong quá trình sử dụng. <i>Checking for accessibility of a part or component</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.10, 4.5, 4.7, 4.8, 4.10.2, 4.10.4, 4.15, 4.21, 4.23, 4.27, 4.28, 5.1, 5.2 and 5.7
15.		Kiểm tra trực quan về độ sạch của vật liệu. <i>Checking for visual cleanliness of material</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.1
16.		Kiểm tra thành phần nhô ra <i>Checking for protruding part</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.9
17.		Thử mối nguy gây kẹt của các cơ cấu chuyển động, khe hở, lò xo <i>Checking for possibility entrapment of driving mechanisms, hinges, springs</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.10, 8.18

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION***VILAS 1096****Phòng thử nghiệm Đồ chơi*****Toys Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
18.	Đồ chơi trẻ em <i>Toys</i>	Kiểm tra vị trí nhãn <i>Checking for position of warning</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 7, 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7 7.8, 7.9, 7.10, 7.11, 7.12, 7.13 7.14, 7.15, 7.16, 7.17, 7.18, 7.19, 7.20, 7.21, 7.22, 7.23, 7.24, 4.12, 4.19
19.		Thử vận xoắn <i>Torque test</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.3, 4.6, 4.11, 4.14, 4.17, 4.18, 4.22, 4.23, 4.25, 4.28, 5.1, 5.10, 5.12, 5.13 and Clause 6
20.	Đồ chơi trẻ em có túi <i>Toys with bag</i>	Kiểm tra ngoại quan về khả năng thông khí của túi đồ chơi <i>Checking for visual permeable to air of bag</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.4
21.	Đồ chơi cho trẻ em có vật liệu thủy tinh <i>Toys with glass material</i>	Kiểm tra sự hiện diện vật liệu thủy tinh. <i>Checking for presence of glass</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.5, 5.7
22.	Đồ chơi trẻ em gắn vào thức ăn <i>Toys attached to food</i>	Kiểm tra hình dáng của đồ chơi. <i>Checking for shape of toys</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.25, 8.2, 8.32.1, 8.3, 8.4.2.1, 8.5, 8.7
23.	Đồ chơi trẻ em dạng nhồi <i>Soft-filled toys and soft-filled parts of a toy</i>	Kiểm tra khả năng chịu lực kéo của đường may, kích thước vật liệu nhồi. <i>Checking for seam strength, size of stuffing material</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.2, 8.4.2.2
24.	Đồ chơi trẻ em có chứa sợi monofilament <i>Toys comprising monofilament fibers</i>	Đo chiều dài sợi monofilament trên đồ chơi. <i>Measurement of length of comprising monofilament fibers</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.9, 7.15

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION***VILAS 1096****Phòng thử nghiệm Đồ chơi*****Toys Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
25.	Đồ chơi trẻ em có miếng hút chân không <i>Toys with suction cups</i>	Kiểm tra hình dáng của đồ chơi có miếng hút chân không <i>Checking for shape of toy with suction cups</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.13, 8.3, 8.4.2.1, 8.5, 8.6, 8.7, 8.8
26.		Kiểm tra các thành phần nhỏ có hình dạng giống quả banh và đầu hút <i>Checking for Small balls and suction cups</i>		(a) EN 71-1: 2026 Clause 8.28, 4.17, 4.22, 4.25, 5.10 and 5.13
27.	Vật liệu đóng gói của đồ chơi <i>Packaging</i>	Kiểm tra hình dáng và kích thước vật liệu đóng gói. <i>Checking for shape and size of packaging</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 6, 8.28.1, 5.10, 8.32.1, 8.3, 8.4.2.1, 5.12
28.	Đồ chơi có kích thước lớn <i>Large and bulky toys</i>	Thử va đập bằng phương pháp xô đổ cho các loại đồ chơi có kích thước lớn <i>Checking for impact by tip-over method for large and bulky toys</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.6, 4.10, 4.22, 4.23, 5.1, 5.10, 5.12 and 5.13
29.	Túi nhựa và tấm nhựa sử dụng trên đồ chơi <i>Plastic bag and plastic sheet on Toy</i>	Xác định độ dày của màng hoặc tấm nhựa. <i>Determination of thickness of plastic film and sheeting</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.25, 4.3, 5.3, 6
30.	Đồ chơi có vật phóng <i>Projectile toys</i>	Kiểm tra đầu vật phóng <i>Checking for rigid projectiles</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.17.2, 4.27.1, 8.39
31.		Xác định khoảng phóng <i>Determination of projectile range</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.17, 8.38
32.		Xác định chiều dài vật phóng có đầu mút <i>Determination of length of suction cup projectile</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.17, 8.40

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION

VILAS 1096

Phòng thử nghiệm Đồ chơi

Toys Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
33.	Đồ chơi bóp, đồ chơi ngậm, lúc lắc, chi tiết lắp xiết và những dạng đồ chơi tương tự <i>Squeeze toys, teether toys, rattles, fastener, certain other toys and components of toy</i>	Kiểm tra về hình dạng và kích thước <i>Checking for shape and size</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.8
34.	Đồ chơi có hình nhân vật cho trẻ em trước tuổi đi học <i>Pre-school play figures Toys</i>	Kiểm tra hình dạng, kích thước chơi hình nhân cho trẻ em trước tuổi đi học <i>Checking for shape, dimension of pre- school play figure</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.11, 8.29
35.	Đồ chơi có dạng quả bóng <i>Toys – Balls</i>	Kiểm tra quả bóng nhỏ <i>Checking for small balls</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.10, 4.22, 8.28
36.	Đồ chơi có hình bán cầu <i>Toys – Hemispheric shaped</i>	Kiểm tra kích thước các vật thể dạng bán cầu <i>Checking for hemispheric- shaped objects dimension</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.12, 8.16.2, 6
37.	Đồ chơi có nam châm <i>Magnet Toys</i>	Thử kéo nam châm <i>Checking for Tension of Magnet</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.23, 8.30
38.		Xác định chỉ số từ thông <i>Determination of Magnetic flux index</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.23, 4.23.2, 4.23.3, 8.31
39.		Thử ngâm đồ chơi và nam châm <i>Checking for soaking for toy and magnets</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 8.9, 4.11, 4.23, 5.1, 5.10 and 5.12

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION***VILAS 1096****Phòng thử nghiệm Đồ chơi*****Toys Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
40.	Đồ chơi trẻ em có yêu cầu lắp ráp <i>Toys with assembly requirement</i>	Kiểm tra vị trí nhãn trên đồ chơi lắp ráp <i>Checking for position of warning on assembled toy</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.2
41.	Đồ chơi được thiết kế để chịu được trọng lượng của trẻ em. <i>Toys intended to bear the mass of a child</i>	Thử độ vững & quá tải. <i>Checking for Stability and Over- Load</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.15, 4.16 (Exclude 4.15.3, 4.15.4, 4.15.5, 4.15.6, 4.15.7, 4.15.8, 4.15.9, 4.15.10)
42.	Đồ chơi trẻ em có chứa nguồn nhiệt <i>Toys containing a heat source</i>	Xác định sự tăng nhiệt độ. <i>Determination of temperature rises</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.21
43.	Đồ chơi trẻ em/ đồ hóa trang có dây <i>Toys/Costume with cord</i>	Kiểm tra các yêu cầu an toàn cho các loại dây <i>Checking for safety requirement of cords</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.14, 5.4, 4.26, 8.20, 8.36, 8.39
44.	Đồ chơi phát ra âm thanh <i>Toys Acoustics</i>	Kiểm tra âm lượng phát ra <i>Checking for sound level</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.20, 8.25
45.	Đồ chơi làm bằng vật liệu giãn nở <i>Toys with expanding material</i>	Kiểm tra độ giãn nở của vật liệu <i>Checking for expansion of materials</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.6, 8.14
46.	Đồ chơi trẻ em sử dụng trong nước <i>Aquatic toys and inflatable toys</i>	Kiểm tra đồ chơi sử dụng trong nước. <i>Checking for aquatic toys</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.18, 7.4
47.	Đồ chơi có thể bay <i>Flying toys</i>	Kiểm tra hình dáng khối quay và cánh quạt trên đồ chơi có thể bay <i>Checking for shape of rotor and propellers of flying toys</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 4.27, 7.21, 8.39

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3), MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS (NO.3), FIRST EXPANSION***VILAS 1096****Phòng thử nghiệm Đồ chơi*****Toys Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
48.	Đồ chơi có chứa chất lỏng <i>Liquid-filled Toys</i>	Kiểm tra đồ chơi có chứa chất lỏng <i>Checking for Liquid-filled toys</i>		(a) EN 71-1:2026 Clause 5.5, 8.15
49.	Đồ chơi mô phỏng thức ăn <i>Food-imitating toys</i>	Đánh giá trực quan và cảm quan <i>Visual check and Sensory check</i>		(b) EN 71-1:2026 Clause 4.28

Chú thích/ Note:

- EN: Tiêu chuẩn Châu âu/ *European Standards*
- (a): Phép thử cập nhật của Quyết định số 507/QĐ-VPCNCL ngày 09/03/2026/ *Update method for accreditation decision number 507/QĐ-VPCNCL dated 09/03/2026.*
- (b): Phép thử mở rộng/ *Extended test (07.2026/July 2026)*

Trường hợp Công ty TNHH Eurofins Consumer Product Testing Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Eurofins Consumer Product Testing Việt Nam phải đăng ký hoạt động & được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

